

# Thermodynamics and Electrochemistry

## AP Chemistry · Vocabulary

English	中文	Pinyin
↻ Entropy	熵	shāng
☐ Gibbs free energy	吉布斯自由能	jí bù sī zì yóu néng
👍 thermodynamically favorable	热力学有利	rè lì xué yǒu lì
🔋 galvanic (voltaic) cell	原电池	yuán diàn chí
☐ electrolytic cell	电解池	diàn jiě chí
+ anode	阳极	yáng jí
- cathode	阴极	yīn jí
⚡ cell potential	电池电势	diàn chí diàn shì
📐 Nernst equation	能斯特方程	néng sī tè fāng chéng
⚡ electrolysis	电解	diàn jiě
📖 Faraday's law	法拉第定律	fǎ lā dì dìng lǜ